CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng

Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Thông tư số 23/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Thông tư số 43/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Thông tư số 14/2019/TT-NHNN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành một số quy định tại Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng (sau đây viết tắt là Nghị định số 10) như sau:[1,2,3,4]

---

[1] Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng"

[2] Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là Nghị định 10/2010/NĐ-CP);

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là Thông tư 16/2010/TT-NHNN).”

[3] Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng và Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng (sau đây gọi là Thông tư số 16/2010/TT-NHNN).”

[4] Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước có căn cứ ban hành như sau:

“*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước.”

1.[5] Thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận) của Công ty thông tin tín dụng;

2. Hoạt động nghiệp vụ của Công ty thông tin tín dụng;

3. Quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty thông tin tín dụng;

2. Tổ chức cấp tín dụng;

3. Khách hàng vay;

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin là hệ thống trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng phục vụ cho việc sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu giữ và trao đổi thông tin số.

2.[6] Đội ngũ quản lý của Công ty thông tin tín dụng là những người giữ chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty và thành viên Ban Kiểm soát của Công ty thông tin tín dụng.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Chương II
THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN[7]

Điều 4.[8] (*được bãi bỏ)*

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận[9]

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu số 01/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Tài liệu chứng minh các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP và các quy định của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế các điều kiện này (nếu có) bao gồm:

i) Điều lệ của doanh nghiệp;

ii) Hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng;

iii) Danh mục và bản thuyết minh về trang thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm tin học phục vụ cho hoạt động thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng;

iv) Xác nhận của ngân hàng thương mại về số dư tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ; xác nhận của tổ chức định giá chuyên nghiệp đối với

---

[7] Tên chương này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[8] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[9] Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

các tài sản góp vốn khác; hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán về vốn điều lệ của doanh nghiệp;

v) Bảng kê danh sách các chức danh thuộc đội ngũ quản lý của doanh nghiệp;

vi) Lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu số 02/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này; kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận thời gian làm việc trong lĩnh vực chuyên ngành của tổ chức liên quan;

vii) Phương án kinh doanh theo mẫu số 03/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này;

viii)[10] Văn bản của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho doanh nghiệp theo mẫu số 04/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này;

ix) Văn bản thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết cung cấp thông tin tín dụng.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận được lập thành năm (05) bộ, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó:

a) Có tối thiểu hai (02) bộ hồ sơ mà trong đó:

i) Các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c(iii), c(iv), c(v), c(vii) khoản 1 Điều này và bản lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu 02/TTTD là bản chính;

ii) Các giấy tờ còn lại quy định tại khoản 1 Điều này là bản sao. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì doanh nghiệp phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

b) Các bộ hồ sơ còn lại trừ các bộ hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này là hồ sơ sao chụp và đóng dấu giáp lai bằng con dấu của doanh nghiệp.

---

[10] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Điều 6. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho doanh nghiệp. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Điều 7. Trình tự thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận[11]

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; làm đầu mối, phối hợp với Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Cục Công nghệ tin học, Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

2. Trình tự thẩm định:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý như sau:

i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung giấy tờ, tài liệu theo quy định;

ii) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định các điều kiện về vốn điều lệ, đội ngũ quản lý, năng lực quản lý rủi ro của doanh nghiệp và có văn bản đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thẩm định các nội dung:

- Cục Công nghệ tin học có ý kiến thẩm định các điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; quy trình công nghệ, phần mềm tin học xử lý, lưu giữ thông tin, cung cấp sản phẩm dịch vụ đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin của doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Vụ Pháp chế có ý kiến thẩm định về hồ sơ, thủ tục, các vấn đề pháp lý liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

---

[11] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

- Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam có ý kiến thẩm định các điều kiện về phương án kinh doanh; nội dung văn bản thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết.

b) Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, soạn thảo văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (Thống đốc) quyết định cấp Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 8. Thẩm quyền cấp, cấp lại Giấy chứng nhận

1. Giấy chứng nhận do Thống đốc cấp theo mẫu số 05/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này.

2. [12]Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản Giấy chứng nhận nguyên vẹn trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy toàn bộ, bị rách, hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác, Công ty thông tin tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị xem xét cấp lại Giấy chứng nhận, cụ thể như sau:

a) Trường hợp bị mất, bị cháy toàn bộ Giấy chứng nhận, hồ sơ gồm:

i) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày rõ lý do bị mất, bị cháy;

ii) Văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc Công ty thông tin tín dụng khai báo mất hoặc bị cháy toàn bộ Giấy chứng nhận của Công ty thông tin tín dụng.

---

[12] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

b) Trường hợp bị rách hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác, hồ sơ gồm:

i) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày rõ lý do bị rách, bị hư hỏng;

ii) Giấy chứng nhận đã bị rách, bị hư hỏng.

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Công ty thông tin tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận.

Điều 9. Thay đổi nội dung Giấy chứng nhận

1. Việc thay đổi nội dung ghi trong Giấy chứng nhận phải được Thống đốc chấp thuận bằng văn bản.

2. Quyết định sửa đổi, bổ sung nội dung trong Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận[13]

1. Công ty thông tin tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị xem xét chấp thuận thay đổi nội dung Giấy chứng nhận gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận của Công ty thông tin tín dụng, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết của việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

c) Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của Công ty thông tin tín dụng (việc thay đổi liên quan đến điều kiện hoạt động nào thì bổ sung các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện đó). Tùy từng trường hợp thay đổi cụ thể, Công ty thông tin tín dụng gửi văn bản, giấy tờ là bản chính hoặc bản sao theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

---

[13] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Ví dụ: Thay đổi về người đại diện theo pháp luật thì bổ sung tài liệu chứng minh người đó đáp ứng điều kiện quy định; thay đổi về vốn điều lệ phải có tài liệu chứng minh nguồn tiền tăng vốn là có thực và số vốn điều lệ sau khi thay đổi không thấp hơn 30 tỷ đồng...

d) Các văn bản, giấy tờ khác chứng minh việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có).

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 11.[14] *(được bãi bỏ)*

Chương III
HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 12. Nguồn thu thập thông tin

1. Công ty thông tin tín dụng được thu thập thông tin từ các nguồn sau đây:

a) Tổ chức cấp tín dụng;

b) Khách hàng vay của tổ chức cấp tín dụng có cam kết cung cấp thông tin;

c) Công ty thông tin tín dụng khác;

d) Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam[15];

đ) Các cơ quan nhà nước khác;

e) Các nguồn tin công khai từ các cơ quan báo chí;

---

[14] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

[15] Cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng" được thay thế bởi cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

g) Các nguồn thông tin hợp pháp khác;

2. Công ty thông tin tín dụng phải thực hiện các biện pháp kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của các thông tin tín dụng thu thập được từ các nguồn quy định tại Khoản 1 Điều này trước khi sử dụng.

Điều 13. Phạm vi thu thập thông tin

1. Công ty thông tin tín dụng chỉ được thu thập các thông tin tín dụng và các thông tin liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 10 về khách hàng vay được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 10.

Hiện tại, doanh nghiệp vừa và nhỏ quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 10 được áp dụng theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Tổ chức cấp tín dụng chỉ cung cấp thông tin tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 10 cho Công ty thông tin tín dụng sau khi đã có sự thỏa thuận với khách hàng vay.

Điều 14. Tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng

Trừ các thông tin định danh, Công ty thông tin tín dụng chỉ được phép sử dụng thông tin lịch sử quan hệ tín dụng của khách hàng vay trong vòng 05 năm gần nhất để tạo lập sản phẩm thông tin tín dụng.

Ví dụ: Nếu ngày cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng về khách hàng A là ngày 20/3/2010, Công ty thông tin tín dụng chỉ được phép sử dụng thông tin về lịch sử quan hệ tín dụng của khách hàng A trong khoảng thời gian tối đa từ ngày 20/3/2005 đến ngày 20/3/2010.

Điều 15. Nguyên tắc, phạm vi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng

1. Sản phẩm thông tin tín dụng được sử dụng như là một tài liệu tham khảo, bổ sung thông tin cho người sử dụng. Người sử dụng tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình khi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm khuyến cáo để người sử dụng biết về nguyên tắc, phạm vi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Tổ chức, cá nhân không được sửa đổi hoặc sao chép sản phẩm thông tin tín dụng để cung cấp cho bên thứ ba, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 14 Nghị định số 10.

3. Việc sao chép, khai thác, sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng trong nội bộ tổ chức của người sử dụng được thực hiện theo hợp đồng ký kết với Công ty thông tin tín dụng.

Chương IV
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Điều 16. Thanh tra hoạt động thông tin tín dụng

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đơn vị đầu mối tiến hành thanh tra về hoạt động của Công ty thông tin tín dụng theo định kỳ một năm một lần. Trường hợp cần thiết, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thanh tra đột xuất hoạt động của Công ty thông tin tín dụng theo quy định pháp luật.

2. Trong quá trình thanh tra hoạt động của Công ty thông tin tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có thể đề nghị Cục Công nghệ tin học, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam[16], Vụ Pháp chế cử cán bộ tham gia đoàn thanh tra.

Điều 17. Báo cáo hoạt động thông tin tín dụng[17]

1. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) các báo cáo bằng văn bản giấy sau:

a) Báo cáo tài chính quý, năm theo quy định pháp luật;

b) Báo cáo tình hình hoạt động theo Mẫu số 06/TTTD ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo đột xuất khi xảy ra sự cố lớn về tin học (như hỏng, trục trặc về phần mềm/phần cứng; hệ thống mạng bị tấn công khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, hoạt động bất bình thường) theo Mẫu số 07/TTTD kèm theo Thông tư này.

---

[16] Cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng" được thay thế bởi cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

[17] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

d) Báo cáo theo Mẫu số 07/TTTD kèm theo Thông tư này khi có một trong những thay đổi sau:

- Người quản lý;

- Số lượng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết cung cấp thông tin tín dụng;

- Thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã cam kết;

- Cơ sở hạ tầng thông tin.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này thực hiện định kỳ hằng quý, năm như sau:

- Báo cáo quý gửi trước ngày 20 của tháng liền kề sau quý báo cáo;

- Báo cáo tình hình hoạt động theo năm gửi trước ngày 15 tháng 02 của năm liền kề sau năm báo cáo;

- Báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán và gửi trước ngày 15 tháng 4 của năm liền kề sau năm báo cáo;

b) Báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải báo cáo ngay trong ngày xảy ra sự cố. Nếu sự cố xảy ra vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ thì báo cáo trong ngày làm việc đầu tiên sau ngày nghỉ.

c) Báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a) Đối với báo cáo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, thời gian chốt số liệu của từng kỳ báo cáo tương ứng với kỳ kế toán theo quy định tại Luật kế toán.

b) Đối với các báo cáo quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, thời gian chốt số liệu báo cáo được xác định theo từng nội dung được yêu cầu báo cáo khi phát sinh hoặc khi có thay đổi.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[18,19,20,21]

[18] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Điều 4. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này."

[19] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 23/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

"***Điều 3. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bãi bỏ khoản 1, 2 Điều 1 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./."

[20] Điều 2 và Điều 3 của Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019 quy định như sau:

*"**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2019."

[21] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019 quy định như sau:

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam[22], Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc các tổ chức tín dụng, Công ty thông tin tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

---

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước, Công ty thông tin tín dụng, Các cơ sở in, đúc tiền, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

2. Thông tư này bãi bỏ các quy định sau:

a) Khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 9 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN;

b) Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 44/2018/TT-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2012/TT-NHNN./."

[22] Cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng" được thay thế bởi cụm từ "Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam" theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 27/2014/TT-NHNN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Mẫu số 01/TTTD

DOANH NGHIỆP... (*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ..... *ngày..... tháng..... năm.....*

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Thông tư số 16 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, Doanh nghiệp...(*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của Công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh
- Tên giao dịch (nếu có)

2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên..... Chức danh.....

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Nội dung hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

7 (**). Tài khoản phong tỏa đã mở tại Ngân hàng thương mại chi nhánh.....

- Số hiệu tài khoản:.....
- Số vốn đã gửi :.....

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và đăng báo theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và điều lệ Công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT

Hồ sơ đính kèm:
- Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 5 TT số...

ĐẠI DIỆN CÔNG TY... (***)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:
(*) Tên Công ty thông tin tín dụng
(**) Chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thành lập sau khi Nghị định số 10 có hiệu lực;
(***) Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

Mẫu 02/TTTD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH TÓM TẮT

Ảnh hộ chiếu (4 x 6)

1. Về bản thân

- Họ và tên khai sinh.....
- Họ và tên thường gọi.....
- Bí danh.....
- Ngày tháng năm sinh.....
- Nơi sinh.....
- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có).....
- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân; Nơi ở hiện nay.....
- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác.....
- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp của cổ đông pháp nhân)

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

3. Quá trình công tác

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính
- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại Công ty thông tin tín dụng và các tổ chức khác.
- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).
- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,....., cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và điều lệ Công ty thông tin tín dụng....

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

....., ngày... tháng... năm ...

Xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền (Xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan người khai đang làm việc)	**Người khai** (Ký, ghi đầy đủ họ tên)

Ghi chú: Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Mẫu 03/TTTD

DOANH NGHIỆP... (*) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... ..... *ngày..... tháng..... năm.....*

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG

Căn cứ Thông tư số 16 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, Doanh nghiệp (*)... lập Phương án kinh doanh hoạt động thông tin tín dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty

2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động thông tin tín dụng).

3. Cơ cấu đội ngũ quản lý

a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;

b) Nhân sự dự kiến của đội ngũ quản lý:

4. Năng lực quản lý rủi ro

a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);

b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động thông tin tín dụng.

5. Công nghệ thông tin

a) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

b) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin.

c) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hóa cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;

đ) Hệ thống dự phòng thảm hoạ có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của Công ty thông tin tín dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất;

6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;

b) Các sản phẩm, dịch vụ dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;

c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm tin tín dụng; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;

7. Khả năng đứng vững và phát triển của công ty trên thị trường:

a) Phân tích và đánh giá thị trường thông tin tín dụng (thực trạng, thách thức và triển vọng);

b) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của công ty, trong đó chứng minh được lợi thế của công ty khi tham gia thị trường;

c) Chiến lược của công ty trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ thông tin tín dụng (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến công ty sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

8. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, việc bảo toàn vốn điều lệ, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện kế hoạch trong từng năm.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT

Hồ sơ đính kèm:
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- (*) Tên Công ty thông tin tín dụng

- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

Mẫu số 04/TTTD

TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI[23]...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:.....	..... *ngày..... tháng..... năm.....*

CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN
CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG

Căn cứ Thông tư số 16 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[24].... cam kết:

1. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[25]... cho Doanh nghiệp... theo văn bản thỏa thuận số.... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi Doanh nghiệp... được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng.

---

[23] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

[24] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

[25] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

2. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng vay tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[26]... cho Công ty thông tin tín dụng khác.

3. Cam kết cung cấp thông tin này đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp Doanh nghiệp... không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc Công ty TTTD chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thỏa thuận giữa các bên.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[27]... cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thỏa thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nơi nhận:	**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TÍN DỤNG,**
- Như trên;	**CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI[28]...**
- Lưu VT	(*Ký tên, đóng dấu)*

Ghi chú: Ngoài những nội dung tối thiểu trên, Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài[29] có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết.

---

[26] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

[27] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

[28] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

[29] Cụm từ "Ngân hàng thương mại" được thay thế thành cụm từ "Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài" theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 43/2018/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 02 năm 2019.

Mẫu số 05/TTTD

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../NHNN-GCN	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20...*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG
(BẢN CHÍNH)
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng....,

CHỨNG NHẬN:

Tên Công ty thông tin tín dụng:.....

Tên đối ngoại:.....

Tên viết tắt:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....

Do:..... cấp ngày.....

Nơi đặt trụ sở chính:.....

Người đại diện theo pháp luật:.....; chức vụ.....

Quốc tịch:..... số CMND:.....

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này, đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng theo quy định pháp luật.

Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm duy trì liên tục các điều kiện hoạt động đã được chứng nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.

THỐNG ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06/TTTD[30]

TÊN CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../.....	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
(Quý..../Năm ...) hoặc (Năm...)

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng)

I. Tình hình thực hiện hoạt động TTTD

1) Danh sách các tổ chức cấp tín dụng cam kết cung cấp thông tin;

2) Danh sách chi tiết nguồn thu thập thông tin ngoài các tổ chức tín dụng cam kết;

3) Danh mục các chỉ tiêu chính về khách hàng vay, tần suất thu thập, cập nhật số liệu;

4) Phân loại và số lượng khách hàng vay theo từng nhóm khách hàng;

5) Số lượng sản phẩm cung cấp cho từng nhóm đối tượng sử dụng;

6) Tình hình vận hành thiết bị công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu;

7) Nội dung khác (nếu có).

II. Đề xuất, kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[30] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Mẫu số 07/TTTD[31]

TÊN CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*....., ngày... tháng... năm...*

BÁO CÁO SỰ CỐ TIN HỌC/THAY ĐỔI THÔNG TIN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
(Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng)

I. Thông tin về sự cố tin học/hoặc thay đổi thông tin

1. Mô tả sự cố/hoặc nội dung thay đổi thông tin

- Mô tả sự cố về hư hỏng, trục trặc về phần mềm, phần cứng; hệ thống mạng bị tấn công... khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, hoạt động bất bình thường.

- Nội dung thay đổi: đội ngũ quản lý; số lượng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết cung cấp thông tin tín dụng; thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa Công ty thông tin tín dụng với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin;

- Nội dung khác (nếu có).

2. Biện pháp xử lý:

II. Đề xuất, kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 32/VBHN-NHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2019
KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

[31] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 14/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của Ngân hàng Nhà nước, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng